TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 17 - 9 - 2025

"V/v *Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Chánh.

Ông Nguyễn Tuấn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Võ Quốc Toàn – kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch R, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2025 và bản tự khai nguyên đơn anh Thạch R trình bày:

Vào năm 2009, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Thạch Thị T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 27/4/2009. Trong quá trình chung sống anh và chị Thạch Thị T có 02 con chung tên: Thạch Ra, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015, hiện nay các cháu đang sống chung với anh. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: do vợ anh không quan tâm lo lắng cho gia đình chồng con, chị T đi làm không về nhà từ năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh R yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: anh yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị T.

- Về con chung: anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Thạch Ra, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015 và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 8 năm 2025 bị đơn chị Thạch Thị T trình bày:

Vào năm 2009 chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Thạch R và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 27/4/2009. Trong quá trình chung sống chị và anh R có 02 con chung tên Thạch R2, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015. Tài sản chung và nợ chung: không có. Do chị đi làm xa chồng chị không còn tình cảm với chị. Do đó anh R xin ly hôn. Ý kiến của chị như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Thạch R.

- Về con chung: Chị đồng ý giao 02 cháu Thạch R2 và Thạch Đa R1 cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Anh R và chị T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh R và chị T thống nhất giao 02 con Thạch Ra, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015 cho anh R nuôi theo nguyện vọng của các cháu và chị Thạch Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh R không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị Thạch Thị T thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch R. Chấp nhận cho nguyên đơn anh Thạch R được ly hôn với bị đơn chị Thạch Thị T. Về con chung giao cho anh R nuôi theo nguyện vọng của con và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh R không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch R và chị Thạch Thị T khai không có nên không đặt ra xem xét. Buộc anh R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn anh Thạch R khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị T. Đồng thời bị đơn chị Thạch Thị T có địa chỉ tại ấp F, xã C, tỉnh Vĩnh Long nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh Thạch R và chị Thạch Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo anh Thạch R và chị Thạch Thị T khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01, vào ngày 27/4/2009. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 27/4/2009 nên xác định hôn nhân giữa anh R và chị T là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn anh R trình bày do vợ chồng sống chung không hợp, do chị T không lo lắng cho gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh R nhận thấy không còn tình cảm với chị T nên xin ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân của hai bên đã phát sinh mâu thuẫn họ sống riêng một thời gian dài (hơn 02 năm), không ai quan tâm chăm sóc ai, cả hai không còn tình cảm với nhau.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia

đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của anh R và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm cuộc sống của ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh R xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh R là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Thạch R và chị Thạch Thị T khai có 02 người con chung tên Thạch R2, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015, anh R yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Bản tự khai chị T cũng đồng ý giao con cho anh R nuôi. Tại bản tự khai ngày 29/8/2025 của 02 cháu Thạch Đa R1 và Thạch Ra thể hiện 02 cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha. Từ năm 2023 đến nay chị T đi làm, anh R là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Do đó việc giao con cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng là không thay đổi môi trường sống và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh R giao 02 con chung cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ lúc thụ lý vụ án Tòa án đã giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng anh R không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Thạch R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Thạch Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn anh Thạch R được ly hôn với bị đơn chị Thạch Thị T.

2. Về con chung: Anh Thạch R và chị Thạch Thị T có 02 người con chung tên Thạch R2, sinh ngày 19/8/2011 và Thạch Đa R1, sinh ngày 13/10/2015. Giao cho anh R trực tiếp nuôi 02 con chung theo nguyện vọng của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho anh R về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do anh R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch R và chị Thạch Thị T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Thạch R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh R đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001898 ngày 14/8/2025 của Thi hành án dân sự dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh Thạch R đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã C, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền